

KẾ HOẠCH
Nâng cao Chỉ số Đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII)
tỉnh Khánh Hòa năm 2026

Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 08/01/2026 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2026; Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 và Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 14/7/2025 của Tỉnh ủy Khánh Hòa đặt mục tiêu tăng trưởng kinh tế hai con số giai đoạn 2025-2030, hướng tới đưa tỉnh trở thành thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Quyết định số 989/QĐ-BKHCN ngày 27/5/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ về phê duyệt Khung Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương năm 2025 và Kết quả công bố Bộ chỉ số Đổi mới sáng tạo cấp địa phương PII năm 2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Theo đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ tại công văn số 613/SKHCN-KHCN ngày 29/01/2026, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch nâng cao Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII) tỉnh Khánh Hòa năm 2026, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU, MỤC TIÊU

1. Mục đích

- Tạo sự thống nhất trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện những quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp theo Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 14/07/2025 của Tỉnh ủy Khánh Hòa. Duy trì và cải thiện, nâng cao toàn diện các chỉ số PII, góp phần đưa Khánh Hòa trở thành một trong những tỉnh thuộc nhóm dẫn đầu cả nước về đổi mới sáng tạo.

- Đẩy mạnh hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; thúc đẩy năng lực cạnh tranh và phát triển bền vững tạo động lực cho tăng trưởng kinh tế, phát triển xã hội, cải thiện đời sống nhân dân.

- Nâng cao sự chủ động, trách nhiệm của sở, ban, ngành, đơn vị của tỉnh về nâng cao chỉ số PII, về phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; liên tục triển khai nhiệm vụ trọng tâm, giải pháp thiết thực, hiệu quả nhằm cải thiện, nâng cao các chỉ số thuộc lĩnh vực ngành, địa phương quản lý.

- Tiếp tục tổ chức triển khai các giải pháp cải thiện, nâng cao Chỉ số PII tỉnh Khánh Hòa trong năm 2026 đồng bộ, thống nhất giữa các cơ quan, đơn vị liên quan. Xây dựng và áp dụng các giải pháp dựa trên dữ liệu của Bộ chỉ số PII để hoạch định

chính sách, thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương dựa trên khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

2. Yêu cầu

- Xác định các chỉ số PII thành phần có xếp hạng từ 1 đến 5 được xem là chỉ số điểm mạnh; xếp hạng từ 6 đến 10 được đánh giá tốt; xếp hạng từ 11 đến 20 là các chỉ số chưa tốt; xếp hạng từ 21 đến 34 là các chỉ số điểm yếu để đưa ra các giải pháp cải thiện, nâng cao điểm số PII phù hợp, kịp thời.

- Các sở, ban, ngành, đơn vị và địa phương được phân công nhiệm vụ tại Kế hoạch này cần chủ động xây dựng kế hoạch chi tiết để triển khai nâng cao điểm số, thứ bậc đối với các chỉ số PII thành phần được phân công phụ trách; phải triển khai đầy đủ các biện pháp để hoàn thành nhiệm vụ đạt kết quả và chỉ tiêu đề ra, đồng thời phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc triển khai các nhiệm vụ chung.

- Kết quả đạt được trong việc triển khai kế hoạch gắn với kết quả thực hiện chức trách, nhiệm vụ hàng năm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị.

- Thực hiện nâng cao nhận thức của công chức, viên chức, người làm công tác quản lý và cộng đồng doanh nghiệp về chỉ số PII; về sự tương quan giữa chỉ số PII với vai trò của khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đóng góp vào tăng trưởng, phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Khánh Hòa.

- Các giải pháp nâng cao chỉ số PII của các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan phải gắn kết cụ thể với từng chỉ số PII; đề ra các mục tiêu nâng cao chỉ số cho năm 2026 và định hướng cho các năm tiếp theo; đồng thời, các giải pháp phải bám sát mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chung của tỉnh về triển khai Chỉ số PII của tỉnh Khánh Hòa.

- Kết quả công bố về Bộ chỉ số PII Khánh Hòa phải được đánh giá, phân tích các điểm mạnh, điểm yếu hàng năm theo chu kỳ công bố và đưa ra các giải pháp để cải thiện liên tục các chỉ số PII theo thời gian.

3. Mục tiêu

- Năm 2026, tỉnh Khánh Hòa giữ vững vị trí xếp hạng trong nhóm 10 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương dẫn đầu về chỉ số PII; duy trì và nâng cao các chỉ số PII đã đạt được kết quả và điểm số tốt, cải thiện các chỉ số điểm yếu.

- Phân đầu nâng dần vị trí xếp hạng PII tiệm cận đến nhóm 5 trong những năm tiếp theo.

II. THỰC TRẠNG CHỈ SỐ PII KHÁNH HÒA NĂM 2025

Theo kết quả công bố ngày 01/10/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ, Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương PII tỉnh Khánh Hòa (gọi tắt là Chỉ số PII Khánh Hòa) năm 2025 đạt 46.54 điểm, xếp hạng thứ 9/34 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, với các trụ cột và chỉ số thành phần như sau:

1. Trụ cột 1 - Thể chế

Năm 2025, Trụ cột Thẻ chế đạt 58.76/100 điểm, xếp hạng thứ 15/34 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Chỉ số thành phần được đánh giá tốt:

Chỉ số 1.2.2. Tính năng động của chính quyền địa phương, đạt 78.49/100 điểm (giá trị: 6.73), xếp hạng 6/34 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Chỉ số thành phần được đánh giá chưa tốt:

+ Chỉ số 1.1.1. Chính sách thúc đẩy Khoa học và Công nghệ và Đổi mới sáng tạo phục vụ phát triển kinh tế - xã hội đạt 70.65/100 điểm (giá trị: 47.59), xếp hạng 18/34 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

+ Chỉ số 1.1.3. Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đạt 53.51/100 điểm (giá trị 7.14) xếp hạng 18/34 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

+ Chỉ số 1.2.1. Chi phí gia nhập thị trường đạt 46.48/100 điểm (giá trị 7.68) xếp hạng 19/34 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

+ Chỉ số 1.2.3. Cải cách hành chính đạt 52.15/100 điểm (giá trị 88.24) xếp hạng 17/34 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

+ Chỉ số 1.2.4. Cạnh tranh bình đẳng đạt 57.36/100 điểm (giá trị 6.07) xếp hạng 15/34 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Chỉ số thành phần được đánh giá điểm yếu:

Chỉ số 1.1.2. Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự đạt 52.55/100 điểm (giá trị: 7.45) xếp hạng 21/34 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

2. Trụ cột 2 - Nguồn nhân lực và nghiên cứu

- Năm 2025, trụ cột 2 - Nguồn nhân lực và nghiên cứu đạt 38.15/100 điểm, xếp hạng 15/34 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Các Chỉ số được đánh giá điểm mạnh:

+ Chỉ số 2.2.3. Chi cho nghiên cứu và phát triển/GRDP (%) đạt 58.46/100 điểm (giá trị: 0.12) xếp hạng 4/34 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

+ Chỉ số 2.2.4. Số tổ chức khoa học và công nghệ /10.000 dân đạt 67.08/100 điểm (giá trị: 0.42) xếp hạng 4/34 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Chỉ số thành phần được đánh giá tốt:

+ Chỉ số 2.2.1. Nhân lực nghiên cứu và phát triển (toàn thời gian)/10.000 dân đạt 41.36/100 điểm (giá trị: 0.42) xếp hạng 7/34 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Chỉ số thành phần được đánh giá yếu:

+ Chỉ số 2.1.1. Điểm trung bình thi tốt nghiệp trung học phổ thông đạt 36.77/100 điểm (giá trị: 5.89) xếp hạng 27/34 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

+ Chỉ số 2.1.2. Học sinh đạt giải kỳ thi Học sinh giỏi quốc gia trung học phổ thông đạt 12.16/100 điểm (giá trị: 25.59) xếp hạng 22/34 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

+ Chỉ số 2.1.3. Chi cho giáo dục và đào tạo bình quân 1 người đi học (triệu đồng) đạt 45.17/100 điểm (giá trị: 22.81) xếp hạng 25/34 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

+ Chỉ số 2.2.2. Chi ngân sách địa phương cho khoa học và công nghệ/GRDP (%) đạt 12.78/100 điểm (giá trị: 0.03) xếp hạng 23/34 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

3. Trụ cột 3 - Cơ sở hạ tầng

- Năm 2025, Trụ cột 3 - Cơ sở hạ tầng đạt 62.75/100 điểm, xếp hạng 6/34 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Chỉ số thành phần được đánh giá điểm mạnh:

+ Chỉ số 3.1.1. Hạ tầng số đạt 73.13/100 điểm (giá trị: 0.73), xếp hạng 5/34 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Chỉ số thành phần được đánh giá tốt:

+ Chỉ số 3.1.2. Quản trị điện tử đạt 52.18/100 điểm (giá trị: 3.49), xếp hạng 11/34 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

+ Chỉ số 3.2.1. Cơ sở hạ tầng chung đạt 54.41/100 điểm (giá trị: 3.49), xếp hạng 13/34 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

+ Chỉ số 3.2.3. Quản trị Môi trường đạt 80.25/100 (giá trị: 3.86), xếp hạng 8/34 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Chỉ số thành phần được đánh giá chưa tốt:

+ Chỉ số 3.2.2. Tỷ lệ đất công nghiệp đã được xây dựng kết cấu hạ tầng (%) đạt 53.88/100 (giá trị: 43.59), xếp hạng 16/34 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

4. Trụ cột 4 - Trình độ phát triển của thị trường

- Năm 2025, Trụ cột 4 - Trình độ phát triển của thị trường đạt 51.58/100 điểm, xếp hạng 8/34 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Chỉ số thành phần được đánh giá điểm mạnh:

+ Chỉ số 4.2.1. Số doanh nghiệp ngành dịch vụ và chuyên môn, khoa học và công nghệ/1.000 doanh nghiệp đạt 90.93/100 điểm (giá trị: 283.9), xếp hạng 3/34 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Chỉ số thành phần được đánh giá tốt:

+ Chỉ số 4.1.4. Giá trị tài sản cố định và đầu tư tài chính dài hạn của doanh nghiệp (tỷ đồng) đạt 47.92/100 (giá trị: 25.74), xếp hạng 7/34 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

+ Chỉ số 4.2.2. Mật độ doanh nghiệp/1.000 dân đạt 32.73/100 (giá trị: 7.1), xếp hạng 7/34 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Chỉ số thành phần được đánh giá chưa tốt:

+ Chỉ số 4.1.1. Tín dụng cho khu vực tư nhân/1.000 lao động (tỷ đồng) đạt 59.64/100 điểm (giá trị: 174.72) xếp hạng 11/34 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

+ Chỉ số 4.1.2. Tài chính vi mô/GRDP (%) đạt 76.93/100 điểm (giá trị: 2.38), xếp hạng 15/34 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

+ Chỉ số 4.1.3. Vốn sản xuất kinh doanh bình quân hàng năm của các doanh nghiệp (tỷ đồng) đạt 29.61/100 (giá trị 42.78), xếp hạng 16/34 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Chỉ số thành phần được đánh giá điểm yếu:

Chỉ số 4.2.3. Đóng góp trong GDP cả nước (%) đạt 25.86/100 (giá trị 1.64), xếp hạng 21/34 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

5. Trụ cột 5 - Trình độ phát triển của doanh nghiệp

- Năm 2025, Trụ cột 5 - Trình độ phát triển của doanh nghiệp đạt 22.77/100 điểm, xếp hạng 26/34 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Trụ cột 5 - Trình độ phát triển của doanh nghiệp được đánh giá yếu nhất trong 7 trụ cột khi có 03 Chỉ số thành phần được đánh giá điểm yếu; 05 chỉ số thành phần có điểm chưa tốt.

- Chỉ số thành phần được đánh giá điểm yếu:

+ Chỉ số 5.1.2. Tỷ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đã qua đào tạo (%) đạt 18.28/100 điểm (giá trị: 22.4), xếp hạng 22/34 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

+ Chỉ số 5.2.2. Số dự án đầu tư đang hoạt động trong các khu công nghiệp/ 1.000 doanh nghiệp chế biến chế tạo đạt 7.39/100 điểm (giá trị: 53.4), xếp hạng 30/34 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

+ Chỉ số 5.2.3. Số dự án đầu tư đang hoạt động trong các cụm công nghiệp/ 1.000 doanh nghiệp chế biến chế tạo đạt 13.51/100 điểm (giá trị: 64.65), xếp hạng 23/34 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Chỉ số thành phần được đánh giá chưa tốt:

+ Chỉ số 5.1.1. Tỷ lệ chi đào tạo lao động trong tổng chi của doanh nghiệp (%) đạt 37.35/100 điểm (giá trị: 8.78), xếp hạng 17/34 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

+ Chỉ số 5.1.3. Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động R&D (%) đạt 22.22/100 điểm (giá trị: 0.4), xếp hạng 18/34 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

+ Chỉ số 5.2.1. Hợp tác nghiên cứu giữa tổ chức khoa học và công nghệ và doanh nghiệp (%) đạt 42.15/100 điểm (giá trị: 27.2), xếp hạng 11/34 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

+ Chỉ số 5.3.1. Đầu tư trực tiếp của nước ngoài/GRDP (%) đạt 18.63/100 điểm (giá trị: 6.27), xếp hạng 12/34 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

+ Chỉ số 5.3.2. Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo (%) đạt 20/100 điểm (giá trị: 0.8), xếp hạng 19/34 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

+ Chỉ số 5.3.3. Số lượng doanh nghiệp có chứng chỉ ISO/ 1.000 doanh nghiệp đạt 25.34/100 điểm (giá trị: 16.7), xếp hạng 20/34 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

6. Trụ cột 6 - Sản phẩm tri thức, sáng tạo và công nghệ

- Năm 2025, Trụ cột 6 - Sản phẩm tri thức, sáng tạo và công nghệ đạt 32.96/100 điểm, xếp hạng 12/34 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Chỉ số thành phần được đánh giá điểm mạnh:

+ Chỉ số 6.1.2. Đơn đăng ký giống cây trồng/10.000 dân đạt 67.31/100 điểm (giá trị: 0.097), xếp hạng 5/34 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Chỉ số thành phần được đánh giá tốt:

+ Chỉ số 6.1.1. Đơn đăng ký sáng chế và giải pháp hữu ích/10.000 dân đạt 49.94/100 điểm (giá trị: 0.21), xếp hạng 7/34 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

+ Chỉ số 6.2.3. Đơn đăng ký thiết kế kiểu dáng công nghiệp/10.000 dân đạt 39.25/100 điểm (giá trị: 0.34), xếp hạng 7/34 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Chỉ số thành phần được đánh giá chưa tốt:

+ Chỉ số 6.2.4. Đơn đăng ký chỉ dẫn địa lý/ 10.000 dân đạt 20.74/100 điểm (giá trị: 0.021), xếp hạng 14/34 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

+ Chỉ số 6.3.1. Số doanh nghiệp mới thành lập/10.000 dân đạt 25.55/100 điểm (giá trị: 12.26), xếp hạng 11/34 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Chỉ số thành phần được đánh giá điểm yếu:

+ Chỉ số 6.2.1. Đơn đăng ký nhãn hiệu/1.000 doanh nghiệp đạt 18.3/100 điểm (giá trị: 89.81), xếp hạng 28/34 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

+ Chỉ số 6.2.2. Đơn đăng ký nhãn hiệu tập thể và nhãn hiệu chứng nhận/10.000 dân đạt 20.71/100 điểm (giá trị: 0.24), xếp hạng 24/34 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

+ Chỉ số 6.3.2. Số doanh nghiệp khoa học và công nghệ và doanh nghiệp đủ điều kiện là doanh nghiệp khoa học và công nghệ/1.000 doanh nghiệp đạt 16.92/100 điểm (giá trị: 1.23), xếp hạng 26/34 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

+ Chỉ số 6.3.3. Tỷ lệ doanh nghiệp /dự án khởi nghiệp sáng tạo trong tổng số doanh nghiệp mới thành lập (%) đạt 4.09/100 điểm (giá trị: 1.14), xếp hạng 27/34 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

7. Trụ cột 7 - Tác động

7.1. Thực trạng

- Năm 2025, Trụ cột 7 - Tác động đạt 59.59/100 điểm, xếp hạng 6/34 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Trụ cột 7. Tác động được đánh giá tốt trong 7 trụ cột của Khánh Hòa, trong đó có:

- Chỉ số thành phần được đánh giá điểm mạnh:

+ Chỉ số 7.1.1. Chỉ số sản xuất công nghiệp đạt 100/100 điểm (giá trị: 116.14), xếp hạng 01/34 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

+ Chỉ số 7.1.4. Tốc độ tăng năng suất lao động đạt 82.88/100 điểm (giá trị: 13.48), xếp hạng 02/34 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Chỉ số thành phần được đánh giá tốt:

+ Chỉ số 7.1.2. Số sản phẩm OCOP 4 sao trở lên/10.000 dân đạt 55.08/100 điểm (giá trị: 0.46), xếp hạng 7/34 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

+ Chỉ số 7.2.1. Tốc độ giảm nghèo đạt 69.23/100 điểm (giá trị: 29.95), xếp hạng 8/34 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

+ Chỉ số 7.2.2. Tỷ lệ lao động có việc làm trong nền kinh tế trên tổng dân số (%) đạt 81.71/100 điểm (giá trị: 53.73), xếp hạng 9/34 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Chỉ số thành phần được đánh giá chưa tốt:

+ Chỉ số 7.2.4. Chỉ số phát triển con người đạt 41.67/100 điểm (giá trị: 0.725), xếp hạng 16/34 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Các chỉ số đánh giá điểm yếu:

+ Chỉ số 7.1.3. Giá trị xuất khẩu/GRDP đạt 15.11/100 điểm (giá trị: 0.299), xếp hạng 23/34 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

+ Chỉ số 7.2.3. Thu nhập bình quân đầu người (triệu đồng/tháng) đạt 31.04/100 điểm (giá trị: 3.98), xếp hạng 24/34 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

(Cụ thể theo Phụ lục kèm theo Kế hoạch này).

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh sử dụng kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ đã giao trong dự toán đầu năm 2026 để triển khai Kế hoạch đảm bảo theo quy định ngân sách nhà nước.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Khoa học và Công nghệ

Sở Khoa học và Công nghệ là cơ quan đầu mối chủ trì, tham mưu triển khai thực hiện Kế hoạch. Tổ chức thực hiện Bộ chỉ số PII theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ. Thực hiện đôn đốc, tổng hợp, báo cáo định kỳ theo quy định hoặc đột xuất theo yêu cầu của cấp trên. Kịp thời rà soát, sửa đổi, bổ sung các nhiệm vụ phù hợp với thực tiễn của các cơ quan, đơn vị.

2. Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã

- Giám đốc các sở, Thủ trưởng cơ quan, ban, ngành của tỉnh và Chủ tịch UBND cấp xã căn cứ nội dung Kế hoạch này để chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ nâng cao các chỉ số thành phần theo nhiệm vụ được phân công trong năm 2026, định hướng xây dựng các nhiệm vụ đến 2030; Xây dựng, ban hành kế hoạch chi tiết triển khai nhiệm vụ nâng cao chỉ số PII tại cơ quan, đơn vị năm 2026, gửi Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp trước ngày 20/02/2026; thực hiện báo cáo nội dung triển khai nhiệm vụ nâng cao chỉ số PII tại cơ quan, đơn vị năm 2026 gửi về Sở Khoa học và Công nghệ trước ngày 15/12/2026 để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh về việc thực hiện nhiệm vụ được giao trong Kế hoạch.

- Căn cứ theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ và đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ, các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương và các đơn vị liên quan căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ được giao thực hiện rà soát, tổng hợp dữ liệu và các tài liệu minh chứng gửi về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ khi có đề nghị.

Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có khó khăn vướng mắc, các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương kịp thời gửi văn bản về Sở Khoa học và Công nghệ để phối hợp triển khai, báo cáo UBND tỉnh chỉ đạo giải quyết, xử lý./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh (báo cáo);
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy;
- Các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp;
- Công an tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh;
- Thống kê tỉnh;
- Chi cục Hải Quan khu vực XIII;
- Chi cục Thuế khu vực XIII;
- Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh khu vực 10;
- Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh Khánh Hòa;
- UBND cấp xã;
- VPUB: LĐVP, các phòng, ban, trung tâm;
- Lưu: VT. NNN

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Hà